



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-BVU, ngày 12/7/2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa- Vũng Tàu)*

- Tên chương trình : **Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**
- Trình độ đào tạo : **Đại học**
- Ngành đào tạo : **Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**
- Mã ngành : **7510605**
- Tên tiếng Anh : **LOGISTICS AND SUPPLY CHAIN MANAGEMENT**
- Loại hình đào tạo : **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời có kiến thức và kỹ năng chuyên môn cao ở trình độ đại học, ngoại ngữ và thông thạo về công nghệ thông tin; những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về logistics và chuỗi cung ứng; có khả năng tham gia hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ logistics và vận tải. Khả năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo, có sức khỏe, kỹ năng giao tiếp tốt và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các tổ chức tiếp nhận.

1.2 Chuẩn đầu ra

1.2.1 Kiến thức

KT 1: Kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

KT 2: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học và kỹ năng mềm theo qui định của nhà trường.

KT 3: Hoàn thành các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng theo qui định của chương trình đào tạo.

KT 4: Kiến thức cơ sở ngành nền tảng về khoa học kinh tế và quản trị.

KT 5: Kiến thức chuyên ngành về logistics và chuỗi cung ứng vào hoạt động cung ứng dịch vụ logistics và vận tải tại các doanh nghiệp dịch vụ logistics, hãng hàng không, công ty xuất nhập khẩu, công ty vận tải đa phương thức, cơ quan hải quan, cơ quan thuế...

1.2.2 Kỹ năng: Chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

KN1: Thành thạo các kỹ năng đã học trong các học phần theo qui định chuẩn đầu ra của Nhà trường (Tin học, Ngoại ngữ, Kỹ năng mềm), các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng.

KN2: Kỹ năng nghề nghiệp:

- Kỹ năng ứng dụng tổng quát các kiến thức cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ. Kỹ năng chuyên sâu về các lĩnh vực liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Phát triển năng lực khám phá tri thức, giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh, tư duy hệ thống, có tầm nhìn, hình thành phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp. Kỹ năng phân tích, giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng. Kỹ năng thực hiện điều tra nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp trong hoạt động cung ứng dịch vụ.

KN3 Kỹ năng cá nhân

- Có kỹ năng cá nhân góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh: sáng kiến, khả năng linh hoạt, tính sáng tạo, biết quản lý thời gian, ham học hỏi và làm việc chuyên nghiệp. Kỹ năng về công nghệ thông tin, truyền thông; kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về logistics và quản lý chuỗi cung ứng;

1.2.3 Kỹ năng: Chuyên ngành Tổ chức quản lý cảng–Xuất nhập khẩu–Giao nhận vận tải quốc tế:

KN1: Thành thạo các kỹ năng đã học trong các học phần theo qui định chuẩn đầu ra của Nhà trường (Tin học, Ngoại ngữ, Kỹ năng mềm), các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng.

KN2: Kỹ năng nghề nghiệp:

- Kỹ năng ứng dụng tổng quát các kiến thức cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ. Kỹ năng chuyên sâu về các lĩnh vực liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Phát triển năng lực khám phá tri thức, giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh, tư duy hệ thống, có tầm nhìn, hình thành phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp. Kỹ năng phân tích, giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng. Kỹ năng thực hiện điều tra nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp trong hoạt động cung ứng dịch vụ;

- Kỹ năng quản lý cảng, quản lý xuất nhập khẩu và giao nhận vận tải quốc tế.

KN 3 Kỹ năng cá nhân:

- Có kỹ năng cá nhân góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh: sáng kiến, khả năng linh hoạt, tính sáng tạo, biết quản lý thời gian, ham học hỏi và làm việc chuyên nghiệp;

- Sinh viên biết và vận dụng được các kỹ năng, phương pháp học đại học; Tư duy sáng tạo; Kỹ năng giao tiếp cơ bản và nâng cao, kỹ năng tin học, kỹ năng ngoại ngữ.

1.2.3 Thái độ

TD1: Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; khả năng làm việc nhóm;

TD2: Có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề mới trong ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo.

1.2.4 Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc trong các phòng như Phòng điều phối vận tải tại hãng hàng không hay công ty dịch vụ logistics, Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu, Phòng chứng từ xuất nhập khẩu, Phòng giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, bộ phận quản lý kho bãi, bộ phận khai quan, cơ quan hải quan với vai trò là người thực hiện trực tiếp hoặc điều hành và quản lý.

1.2.5 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học tập, nghiên cứu:
- Có khả năng tự tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các trình độ trên đại học: Thạc sĩ, Tiến sĩ.
- Có phương pháp tiếp thu nhanh các công nghệ mới, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thông tin trên Internet, khả năng học tập suốt đời.
- Có thể tiếp tục nâng cao trình độ để đảm nhận những chức vụ cao hơn trong quản lý Logistics: Project Manager, CEO,...
- Có khả năng tham gia vào các đề tài NCKH có liên quan đến Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng làm chủ các đề tài NCKH và các trung tâm Logistics của các viện nghiên cứu trong các lĩnh vực dịch vụ, kinh tế.

2. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

Khối lượng kiến thức toàn khóa:

- **Chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng:** 123 Tín chỉ
- **Chuyên ngành Tổ chức quản lý cảng–Xuất nhập khẩu–Giao nhận vận tải quốc tế:** 125 Tín chỉ

(không bao gồm khối kiến thức GDTC, GDQP-AN, tin học, ngoại ngữ và kỹ năng mềm)

3. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT trong cả nước

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 305/QĐ-BVU ngày 25/8/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

5. Thang điểm: Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10, sau đó chuyển đổi sang thang điểm 4 và thang điểm chữ theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

6. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)

STT	Mã MH	Tên học phần	Số TC	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			15	
1.1. Lý luận Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh			10	
1	060014	Các nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin (P1)	2 (2,0,4)	
2	060015	Các nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin (P2)	3(3,0,6)	
3	060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	
4	060017	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3 (3,0,6)	
1.2. Khoa học xã hội			2	
1	060017	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	
1.3. Toán học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường			3	
1	060001	Toán cao cấp 1	3(3,0,6)	
1.4. Ngoại ngữ			18	
1	121900	Tiếng Anh 1 (*)	3(3,0,6)	
	121913	Tiếng Nhật 1 (Japanese 1)*	3(3,0,6)	
	122000	Tiếng Trung 1 (Chinese 1)*	3(3,0,6)	
	122006	Tiếng Hàn 1*	3(3,0,6)	
2	121901	Tiếng Anh 2 (*)	3(3,0,6)	
	121914	Tiếng Nhật 2 (Japanese 2)*	3(3,0,6)	
	122001	Tiếng Trung 2 (Chinese 2)*	3(3,0,6)	
	122007	Tiếng Hàn 2*	3(3,0,6)	
3	121902	Tiếng Anh 3 (*)	3(3,0,6)	
	121915	Tiếng Nhật 3 (Japanese 3)*	3(3,0,6)	
	122002	Tiếng Trung 3 (Chinese 3)*	3(3,0,6)	
	122008	Tiếng Hàn 3*	3(3,0,6)	
4	121903	Tiếng Anh 4 (*)	3(3,0,6)	
	121916	Tiếng Nhật 4 (Japanese 4)*	3(3,0,6)	
	122003	Tiếng Trung 4 (Chinese 4)*	3(3,0,6)	
	122009	Tiếng Hàn 4*	3(3,0,6)	
5	121904	Tiếng Anh 5 (*)	3(3,0,6)	
	121917	Tiếng Nhật 5 (Japanese 5)*	3(3,0,6)	
	122004	Tiếng Trung 5 (Chinese 5)*	3(3,0,6)	
	122010	Tiếng Hàn 5*	3(3,0,6)	
6	121905	Tiếng Anh 6 (*)	3(3,0,6)	
	121918	Tiếng Nhật 6 (Japanese 6)*	3(3,0,6)	
	122005	Tiếng Trung 6 (Chinese 6)*	3(3,0,6)	
	122011	Tiếng Hàn 6*	3(3,0,6)	
1.5. Tin học			8	

STT	Mã MH	Tên học phần	Số TC	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
1	121912	Mos Word (*)	3(2,1,6)	
2	121910	Mos Excel (*)	3(2,1,6)	
3	121911	Mos Powerpoint (*)	2(1,1,4)	
1.6. Kỹ năng mềm			6	
1	121909	Phương pháp học đại học và tư duy sáng tạo (*)	2(2,0,4)	
2	121906	Kỹ năng giao tiếp cơ bản (*)	2(2,0,4)	
3	121907	Kỹ năng giao tiếp nâng cao (*)	2(2,0,4)	
1.7. Giáo dục thể chất			3	
1	060024	Giáo dục thể chất 1 (*)	1(0,1,2)	
2	060025	Giáo dục thể chất 2 (*)	1(0,1,2)	
3	060026	Giáo dục thể chất 3 (*)	1(0,1,2)	
1.8. Giáo dục quốc phòng			8	
1	060029	LT - Giáo dục quốc phòng - An ninh (*)	5(5,0,10)	
2	060029	TH - Giáo dục quốc phòng - An ninh (*)	3(0,3,3)	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			37	
Phần bắt buộc			33	
1	100035	Kinh tế vi mô	2 (2,0,4)	
2	100031	Kinh tế vĩ mô	2 (2,0,4)	
3	100063	Quản trị học	2 (2,0,4)	
4	121970	Nguyên lý thống kê - Kinh tế	2 (2,0,4)	
5	122362	Marketing trong Logistics	2 (2,0,4)	
6	120334	Luật Vận tải	2 (2,0,4)	
7	121971	Hàng hoá	4(4,0,8)	
8	122439	Tổng quan về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1(1,0,2)	
9	120403	Vận tải đa phương thức	4 (4,0,8)	
10	120330	Quản trị Logistics	4 (4,0,8)	
11	121974	Khởi nghiệp trong lĩnh vực logistics	2(2,0,4)	
12	121973	Kỹ năng làm việc trong ngành logistics và chuỗi cung ứng	2(2,0,4)	
13	120331	Quản trị chuỗi cung ứng	4(4,0,8)	
Phần tự chọn (Tổng số tín chỉ tự chọn >= 4)			4	
1	100034	Kinh tế quốc tế	2 (2,0,4)	
2	120324	Tổ chức xếp dỡ	2 (2,0,4)	
3	100039	Luật Kinh tế	2 (2,0,4)	
4	121972	Phương tiện xếp dỡ và vận chuyển tại cảng	2(2,0,4)	

STT	Mã MH	Tên học phần	Số TC	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
2.2. Kiến thức chuyên ngành				
2.2.1. Chuyên ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng			62	
Phần bắt buộc			54	
1	120630	Nghiệp vụ ngoại thương	3(3,0,6)	
2	122368	Quản trị kho hàng trong logistics	4 (4,0,8)	
3	121981	Nghiệp vụ hải quan	3(3,0,6)	
4	121982	Quản trị chất lượng logistics và chuỗi cung ứng	4(4,0,8)	
5	121983	Thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong Logistics	3(2,1,6)	
6	121985	Quản trị chi phí trong logistics và chuỗi cung ứng	3 (3,0,6)	
7	121987	Đại lý tàu biển	2(2,0,4)	
8	122363	Thanh toán quốc tế trong logistics	3 (3,0,6)	
9	122442	Nghiệp vụ giao nhận vận tải Quốc tế	3(3,0,6)	
10	122367	Vận tải biển và thủy nội địa	4(4,0,8)	
11	122369	Vận tải đường sắt và đường bộ	3(3,0,6)	
12	122370	Vận tải hàng không	3 (3,0,6)	
13	122366	Bảo hiểm hàng hải	3(3,0,6)	
14	122443	Tổ chức và quản lý khai thác cảng biển quốc tế	3(3,0,6)	
15	120329	Quản trị chiến lược logistics	2 (2,0,4)	
16	120405	Luật Quản lý logistics	2(2,0,4)	
17	100100	Thực tập chuyên ngành	3(3,0,6)	
18	100101	Thực tập tốt nghiệp	4(0,4,8)	
Phần tự chọn (Tổng số tín chỉ tự chọn >= 8)			8	
1	120412	Quản lý tinh gọn trong chuỗi cung ứng	2(2,0,4)	
2	120408	Lập kế hoạch và điều độ trong chuỗi cung ứng	2(2,0,4)	
3	120401	Hỗ trợ ra quyết định Logistics	2(2,0,4)	
4	122364	Logistics trong thương mại quốc tế	2(2,0,4)	
5	121978	Nghiệp vụ soạn thảo và phát hành vận đơn vận tải	2(2,0,4)	
6	121984	Quản trị rủi ro logistics và chuỗi cung ứng	2 (2,0,4)	
7	120411	Chiến lược phát triển cảng biển	2(2,0,4)	
8	120333	Hệ thống thông tin logistics	2(2,0,4)	
9	120387	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics 1	2(2,0,4)	
10	120393	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics 2	2(2,0,4)	
2.2.2. Chuyên ngành: Tổ chức quản lý cảng–Xuất nhập khẩu–Giao nhận vận tải quốc tế			65	
Phần bắt buộc			57	
1	120630	Nghiệp vụ ngoại thương	3(3,0,6)	

STT	Mã MH	Tên học phần	Số TC	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
2	122368	Quản trị kho hàng trong logistics	4 (4,0,8)	
3	121981	Nghiệp vụ hải quan	3(3,0,6)	
4	121982	Quản trị chất lượng logistics và chuỗi cung ứng	4(4,0,8)	
5	121983	Thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong Logistics	3(2,1,6)	
6	121985	Quản trị chi phí trong logistics và chuỗi cung ứng	3 (3,0,6)	
7	121987	Đại lý tàu biển	2(2,0,4)	
8	122363	Thanh toán quốc tế trong logistics	3 (3,0,6)	
9	122442	Nghiệp vụ giao nhận vận tải Quốc tế	3(3,0,6)	
10	122367	Vận tải biển và thủy nội địa	4(4,0,8)	
11	122369	Vận tải đường sắt và đường bộ	3(3,0,6)	
12	122370	Vận tải hàng không	3(3,0,6)	
13	122366	Bảo hiểm hàng hải	3(3,0,6)	
14	122443	Tổ chức và quản lý khai thác cảng biển quốc tế	3(3,0,6)	
15	120329	Quản trị chiến lược logistics	2 (2,0,4)	
16	122375	Quản lý Xuất nhập khẩu hàng hóa	4(4,0,8)	
17	100100	Thực tập chuyên ngành	3(3,0,6)	
18	100101	Thực tập tốt nghiệp	4(0,4,8)	
Phần tự chọn (Tổng số tín chỉ tự chọn >= 8)			8	
1	120412	Quản lý tinh gọn trong chuỗi cung ứng	2(2,0,4)	
2	120408	Lập kế hoạch và điều độ trong chuỗi cung ứng	2(2,0,4)	
3	120401	Hỗ trợ ra quyết định Logistics	2(2,0,4)	
4	122364	Logistics trong thương mại quốc tế	2(2,0,4)	
5	121978	Nghiệp vụ soạn thảo và phát hành vận đơn vận tải	2(2,0,4)	
6	121984	Quản trị rủi ro logistics và chuỗi cung ứng	2 (2,0,4)	
7	120411	Chiến lược phát triển cảng biển	2(2,0,4)	
8	120333	Hệ thống thông tin logistics	2(2,0,4)	
9	120387	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics 1	2(2,0,4)	
10	120393	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics 2	2(2,0,4)	
2.3 Khoá luận			8	
1	100102	Khoá luận tốt nghiệp	8(8,0,16)	
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA				
1	Chuyên ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		123	
2	Chuyên ngành: Tổ chức quản lý cảng-Xuất nhập khẩu-Giao nhận vận tải quốc tế		125	

7. Khung chương trình

7.1. Kế hoạch đào tạo

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
Học kỳ 1				10	
Học phần bắt buộc				10	
1	060023	Pháp luật đại cương	0101060023	2(2, 0, 4)	
2	060035	Toán cao cấp	0101060035	3(3, 0, 6)	
3	100035	Kinh tế vi mô	0101100035	2(2, 0, 4)	
4	100063	Quản trị học	0101100063	2(2, 0, 4)	
5	122439	Tổng quan về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	0101122439	1(1, 0, 2)	
6	060024	Giáo dục thể chất 1*	0101060024	1(0,1,2)	
7	121909	Phương pháp học đại học và tư duy sáng tạo*	0101121909	2(2, 0, 4)	
Học kỳ 2				10	
Học phần bắt buộc				10	
1	060014	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (P1)	0101060014	2(2, 0, 4)	
2	100036	Kinh tế vĩ mô	0101100036	2(2, 0, 4)	
3	120330	Quản trị logistics	0101120330	4(4, 0, 8)	
4	120334	Luật Vận tải	0101120334	2(2, 0, 4)	
5	060025	Giáo dục thể chất 2*	0101060025	1(0,1,2)	
6	121906	Kỹ năng giao tiếp cơ bản*	0101121906	2(2, 0, 4)	
7	121912	Mos Word*	0101121912	3(2, 1, 6)	
Học phần tự chọn				3	
1	121900	Tiếng Anh 1*	0101121900	3(3, 0, 6)	
2	121913	Tiếng Nhật 1 (Japanese 1)*	0101121913	3(3, 0, 6)	
3	122000	Tiếng Trung 1 (Chinese 1)*	0101122000	3(3, 0, 6)	
4	122006	Tiếng Hàn 1*	0101122006	3(3, 0, 6)	
Học kỳ 3				11	
Học phần bắt buộc				11	
1	060015	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (P2)	0101060015	3(3, 0, 6)	060014(a)
2	121970	Nguyên lý thống kê - Kinh tế	0101121970	2(2, 0, 4)	
3	121982	Quản trị chất lượng logistics và chuỗi cung ứng	0101121982	4(4, 0, 8)	
4	122362	Marketing trong Logistics	0101122362	2(2, 0, 4)	
5	060026	Giáo dục thể chất 3*	0101060026	1(0,1,2)	060025(a)
6	060029	Giáo dục quốc phòng*	0101060029	8(5, 3, 16)	
7	121907	Kỹ năng giao tiếp nâng cao*	0101121907	2(2, 0, 4)	121906(a)
8	121910	Mos Excel*	0101121910	3(2, 1, 6)	
Học phần tự chọn				3	

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
1	121901	Tiếng Anh 2*	0101121901	3(3, 0, 6)	121900(a)
2	121914	Tiếng Nhật 2 (Japanese 2)*	0101121914	3(3, 0, 6)	121913(a)
3	122001	Tiếng Trung 2 (Chinese 2)*	0101122001	3(3, 0, 6)	122000(a)
4	122007	Tiếng Hàn 2*	0101122007	3(3, 0, 6)	122006(a)
Học kỳ 4				13	
Học phần bắt buộc				11	
1	060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101060016	2(2, 0, 4)	060015(a)
2	120331	Quản trị chuỗi cung ứng	0101120331	4(4, 0, 8)	
3	120630	Nghiệp vụ ngoại thương	0101120630	3(3, 0, 6)	
4	121973	Kỹ năng làm việc trong ngành logistics và chuỗi cung ứng	0101121973	2(2, 0, 4)	
5	121911	Mos Powerpoint*	0101121911	2(1, 1, 0)	
Học phần tự chọn				2	
1	100034	Kinh tế quốc tế	0101100034	2(2, 0, 4)	
2	120333	Hệ thống thông tin logistics	0101120333	2(2, 0, 4)	
3	121902	Tiếng Anh 3*	0101121902	3(3, 0, 6)	121901(a)
4	121915	Tiếng Nhật 3 (Japanese 3)*	0101121915	3(3, 0, 6)	121914(a)
5	122002	Tiếng Trung 3 (Chinese 3)*	0101122002	3(3, 0, 6)	122001(a)
6	122008	Tiếng Hàn 3*	0101122008	3(3, 0, 6)	122007(a)
Học kỳ 5				14	
Học phần bắt buộc				12	
1	060017	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	0101060017	3(3,0,6)	060016(a)
2	121983	Thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong Logistics	0101121983	3(2, 1, 6)	
3	122363	Thanh toán quốc tế trong logistics	0101122363	3(3, 0, 6)	100036(a)
4	122442	Nghiệp vụ giao nhận vận tải Quốc tế	0101122442	3(3, 0, 6)	
Học phần tự chọn				2	
1	100039	Luật Kinh tế	0101100039	2(2, 0, 4)	
2	122364	Logistics trong thương mại quốc tế	0101122364	2(2, 0, 4)	120330(a)
3	121903	Tiếng Anh 4*	0101121903	3(3, 0, 6)	121902(a)
4	121916	Tiếng Nhật 4 (Japanese 4)*	0101121916	3(3, 0, 6)	121915(a)
5	122003	Tiếng Trung 4 (Chinese 4)*	0101122003	3(3, 0, 6)	122002(a)
6	122009	Tiếng Hàn 4*	0101122009	3(3, 0, 6)	122008(a)
Học kỳ 6				12	
Học phần bắt buộc				10	
1	100100	Thực tập chuyên ngành	0101100100	3(0,3,6)	
2	121981	Nghiệp vụ hải quan	0101121981	3(3, 0, 6)	

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
3	122368	Quản trị kho hàng trong logistics	0101122368	4(4, 0, 8)	
Học phần tự chọn				2	
1	120401	Hỗ trợ ra quyết định Logistics	0101120401	2(2, 0, 4)	
2	121978	Nghiệp vụ soạn thảo và phát hành vận đơn vận tải	0101121978	2(2, 0, 4)	
3	121904	Tiếng Anh 5*	0101121904	3(3, 0, 6)	121903(a)
4	121917	Tiếng Nhật 5 (Japanese 5)*	0101121917	3(3, 0, 6)	121916(a)
5	122004	Tiếng Trung 5 (Chinese 5)*	0101122004	3(3, 0, 6)	122003(a)
6	122010	Tiếng Hàn 5*	0101122010	3(3, 0, 6)	122009(a)
Học kỳ 7				16	
Học phần bắt buộc				14	
1	120403	Vận tải đa phương thức	0101120403	4(4, 0, 8)	120330(a)
2	122367	Vận tải biển và thủy nội địa	0101122367	4(4, 0, 8)	
3	122369	Vận tải đường sắt và đường bộ	0101122369	3(3, 0, 6)	120330(a)
4	122370	Vận tải hàng không	0101122370	3(3, 0, 6)	120330(a)
Học phần tự chọn				2	
1	120324	Tổ chức xếp dỡ	0101120324	2(2, 0, 4)	
2	120412	Quản lý tinh gọn trong chuỗi cung ứng	0101120412	2(2, 0, 4)	
3	121905	Tiếng Anh 6*	0101121905	3(3, 0, 6)	121904(a)
4	121918	Tiếng Nhật 6 (Japanese 6)*	0101121918	3(3, 0, 6)	121917(a)
5	122005	Tiếng Trung 6 (Chinese 6)*	0101122005	3(3, 0, 6)	122004(a)
6	122011	Tiếng Hàn 6*	0101122011	3(3, 0, 6)	122010(a)
Học kỳ 8				13	
Học phần bắt buộc				11	
1	121985	Quản trị chi phí trong logistics và chuỗi cung ứng	0101121985	3(3, 0, 6)	
2	121987	Đại lý tàu biển	0101121987	2(2, 0, 4)	
3	122366	Bảo hiểm hàng hải	0101122366	3(3, 0, 6)	
4	122443	Tổ chức và quản lý khai thác cảng biển quốc tế	0101122443	3(3, 0, 6)	
Học phần tự chọn				2	
1	120387	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics 1	0101120387	2(2, 0, 4)	
2	120411	Chiến lược phát triển cảng biển	0101120411	2(2, 0, 4)	
3	121972	Phương tiện xếp dỡ và vận chuyển tại cảng	0101121972	2(2, 0, 4)	
Học kỳ 9				10	
Môn học chung				10	

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
Học phần bắt buộc				8	
1	120329	Quản trị chiến lược logistics	0101120329	2(2, 0, 4)	
2	121971	Hàng hoá	0101121971	4(4, 0, 8)	
3	121974	Khởi nghiệp trong lĩnh vực logistics	0101121974	2(2, 0, 4)	120330(a)
Học phần tự chọn				2	
1	120393	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics 2	0101120393	2(2, 0, 4)	120387(a)
2	120408	Lập kế hoạch và điều độ trong chuỗi cung ứng	0101120408	2(2, 0, 4)	
3	121984	Quản trị rủi ro logistics và chuỗi cung ứng	0101121984	2(2, 0, 4)	
Môn học riêng bắt buộc chuyên ngành					
Chuyên ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng				2	
1	120405	Luật Quản lý logistics	0101120405	2(2, 0, 4)	120330(a)
Chuyên ngành: Tổ chức quản lý cảng–Xuất nhập khẩu–Giao nhận vận tải quốc tế				4	
2	122375	Quản lý Xuất nhập khẩu hàng hóa	0101122375	4(4,0,8)	
Học kỳ 10				12	
Học phần bắt buộc				4	
1	100101	Thực tập tốt nghiệp	0101100101	4(0,4,8)	
Học phần tự chọn				8	
1	100102	Khoá luận tốt nghiệp	0101100102	8(8,0,16)	
TỔNG SỐ TOÀN KHOA:					
Chuyên ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng				123	
Chuyên ngành: Tổ chức quản lý cảng–Xuất nhập khẩu–Giao nhận vận tải quốc tế				125	

- Diễn giải cách ghi số tín chỉ a(b,c,d) - a: tổng số tín chỉ; b: số tín chỉ lý thuyết; c: số tín chỉ bài tập, thực hành; d: số tín chỉ tự học.

- Các học phần tiếng Anh, Tin học, kỹ năng mềm, GDTC, GDQP (* ở cột Số tín chỉ), không tính vào tổng thời lượng toàn khoá, điểm trung bình chung học kỳ và trung bình chung tích lũy.

7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

7.2.1. Chương trình giáo dục đại học này được thiết kế dựa trên các văn bản sau:

- Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày

15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT Ngày 17 tháng 2 năm 2011 Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, định chỉ, tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

- Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 27/2006/QĐ-TTg ngày 27/01/2006 thành lập trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu;

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 305/QĐ-ĐHBRVT ngày 25/8/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

7.2.2. Yêu cầu đối với sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và giáo viên

- Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện Kỹ thuật-Kinh tế biển - Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện đầy đủ các danh mục các học phần theo đúng quy định của khung chương trình đào tạo.

- Đề cương chi tiết học phần kèm theo chương trình này là cơ sở để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nề nếp; thực hiện nội dung giảng dạy và nội dung của các đề thi kết thúc học phần.

- Giảng viên giảng dạy mỗi học phần có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và có chất lượng cao các nội dung dạy và học trong đề cương chi tiết môn học; đảm bảo chính xác phân phối tỷ lệ giờ: Lý thuyết, thảo luận, bài tập thực hành, tự học.

- Lớp học mở theo đăng ký của sinh viên. Mỗi lớp học có ít nhất 20 sinh viên đăng ký trở lên.

- Thời gian cho sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ là 3,5 năm. Khi tích lũy đủ số tín chỉ qui định trong khung chương trình đào tạo thì sinh viên mới được xét cấp bằng tốt nghiệp.

8. Mô tả vắn tắt nội dung và đề cương chi tiết các học phần

8.1 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin phần 1

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. môn học có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin: Chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

8.2 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin phần 2

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung học phần bao gồm hai phần: Phần thứ nhất trình bày học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phong thức sản xuất t bản chủ nghĩa. Cụ thể là làm rõ các phạm trù, các quy luật kinh tế cơ bản thông qua các học thuyết nh: học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng d, học thuyết về chủ nghĩa t bản độc quyền và chủ nghĩa t bản độc quyền nhà nớc. Phần thứ hai bao gồm những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội, về sứ mệnh

lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Qua đó, chỉ rõ xu thế tất yếu của sự ra đời phong trào sản xuất công sản chủ nghĩa và các giai đoạn phát triển của nó cũng như những vấn đề chính trị – xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN như: xây dựng nền dân chủ, nhà nước và nền văn hoá xã hội chủ nghĩa; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

8.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Ngoài chương mở đầu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung môn học gồm 7 chương với những nội dung cơ bản sau: 1. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết dân tộc; 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; 7. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

8.4 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* "Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại."

8.5 Pháp luật đại cương

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Chương trình môn học Pháp luật đại cương do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngành Luật bao gồm những kiến thức cơ bản về các vấn đề: Nhà nước và Pháp luật; về các lĩnh vực pháp luật cụ thể như: pháp luật dân sự và tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và tố tụng hành chính, pháp luật kinh doanh, pháp luật đất đai và môi trường, pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam.

8.6 Toán cao cấp 1

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Các kiến thức được học trong học phần, gồm: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; Hàm số - Giới hạn và sự liên tục của hàm số; Đạo hàm và vi phân của hàm số; Nguyên hàm và tích phân của hàm số.

8.7 Giáo dục thể chất 1

- *Tín chỉ 1*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng chày. Đây là môn học và được đưa vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục thể chất trường học để phát triển thể chất con người cũng như đưa vào thi đấu trong các giải thể thao.

Toàn bộ chương trình được cấu trúc gồm: 10 tiết lý thuyết (trên lớp), 20 tiết thực hành (Tại nhà thi đấu thể thao).

8.8 Giáo dục thể chất 2

- *Tín chỉ 1*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn bóng rổ cho đối tượng là sinh viên. Là môn học thực hành nằm trong hệ thống giáo dục thể chất trường học nhằm phát triển thể chất con người.

Toàn bộ chương trình được cấu trúc gồm: 10 tiết lý thuyết (trên lớp), 20 tiết thực hành (Tại nhà thi đấu thể thao).

8.9 Giáo dục thể chất 3

- *Tín chỉ 1*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lịch sử phát triển Bóng đá Thế giới và Việt Nam, luật thi đấu và phương pháp trọng tài Bóng đá, các nguyên lý kỹ thuật Bóng đá, chiến thuật Bóng đá, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài.

8.10 Kỹ năng giao tiếp cơ bản

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về giao tiếp phi ngôn ngữ và ngôn ngữ, kỹ năng thuyết trình hiệu quả. Thông qua các khái niệm, các công cụ, phương pháp trong giao tiếp cơ bản sẽ giúp cho sinh viên dần hình thành kỹ năng giao tiếp và biết cách vận dụng vào trong học tập, công việc và cuộc sống một cách hiệu quả.

8.11 Kỹ năng giao tiếp nâng cao

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng tìm việc, viết CV, nghệ thuật tiếp thị bản thân và phỏng vấn tìm việc, từ đó vận dụng vào trong học tập, công việc và cuộc sống một cách hiệu quả.

8.12 Phương pháp học đại học và tư duy sáng tạo

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp học đại học, cách xác lập mục tiêu – xây dựng kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm và phương pháp tư duy sáng tạo, từ đó vận dụng vào trong học tập, công việc và cuộc sống một cách hiệu quả.

8.13 Tiếng Anh 1

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 1 với giáo trình LIFE A1 gồm 6 units đầu tiên với 7 phần mỗi unit và phần ôn tập sau mỗi unit, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp căn bản, nghe, nói đơn giản trong

giao tiếp hàng ngày. Phần Đọc giới thiệu về con người, địa danh, văn hóa các nơi trên thế giới và các chủ đề giao thông, môi trường, công nghệ kỹ thuật... được cập nhật mới nhất. Phần Viết cho sinh viên kỹ năng sử dụng từ chính xác. Đặc biệt sinh viên có tài khoản online để học nghe và làm bài tập trực tuyến với nhiều dạng bài tập đa dạng, hấp dẫn, dễ hiểu.

8.14 Tiếng Anh 2

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 2 với giáo trình LIFE A1 gồm 6 units cuối với 7 phần mỗi unit và phần ôn tập sau mỗi unit, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp căn bản, nghe, nói đơn giản trong giao tiếp hàng ngày. Phần Đọc với đa dạng các chủ đề về cuộc sống truyền thống, về các mùa trong năm, về chuyến hành trình xuyên lục địa Trans-Siberia, khám phá những điều lý thú kì diệu về vùng Madagasca... được cập nhật mới nhất. Phần Viết cho sinh viên kỹ năng sử dụng từ chính xác. Đặc biệt sinh viên có tài khoản online để học nghe và làm bài tập trực tuyến với nhiều dạng bài tập đa dạng, hấp dẫn.

8.15 Tiếng Anh 3

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 3 với giáo trình LIFE A1-A2 gồm 6 units đầu tiên với 7 phần mỗi unit và phần ôn tập sau mỗi unit, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp căn bản, nghe, nói đơn giản trong giao tiếp hàng ngày. Phần Đọc giới thiệu về con người, địa danh, văn hóa các nơi trên thế giới với đa dạng các chủ đề: thể thao, tiền tệ, ngôn ngữ của các vùng miền khác nhau trên thế giới... được cập nhật mới nhất. Phần Viết cho sinh viên kỹ năng sử dụng từ chính xác. Đặc biệt sinh viên có tài khoản online để học nghe và làm bài tập trực tuyến với nhiều dạng bài tập đa dạng, hấp dẫn, dễ hiểu.

8.16 Tiếng Anh 4

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 2 với giáo trình LIFE A1-A2 gồm 6 units cuối với 7 phần mỗi unit và phần ôn tập sau mỗi unit, chú trọng vào xây dựng hoàn chỉnh vốn từ vựng, ngữ pháp căn bản, vận dụng thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết. Phần Đọc giới thiệu về những chuyến du hành vào vũ trụ, nghệ thuật hình xăm, nét tự nhiên trong hội họa những chủ đề về khoa học công nghệ,... được cập nhật mới nhất. Phần Viết luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng từ vựng, từ nối trong câu và ngữ pháp chính xác để viết nhật ký online về những chuyến đi, viết những tin nhắn online thể hiện những biểu tượng cảm xúc, viết lời bình cho 1 sự kiện nào đó hoặc viết 1 lời nhắn trên điện thoại. Đặc biệt sinh viên có tài khoản online để học nghe và làm bài tập trực tuyến với nhiều dạng bài tập đa dạng, hấp dẫn, dễ hiểu.

8.17 Tiếng Anh 5

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 5 với giáo trình LIFE A1-B2 gồm 6 units đầu với 7 phần mỗi unit và phần ôn tập sau mỗi unit, chú trọng vào xây dựng hoàn chỉnh vốn từ vựng, ngữ pháp căn bản, vận dụng thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết, luyện các dạng đề thi Vstep trình độ A2-B1 hoặc các dạng bài tập trình độ tương đương. Phần Đọc giới thiệu những vấn đề liên quan đến sức khỏe, các cuộc

tranh tài trong thể thao, vấn đề về giao thông, vấn đề về du lịch trải nghiệm cảm giác mạnh, môi trường, các sự kiện trong đời người,... được cập nhật mới nhất. Phần Nói và Nghe theo chủ đề của từng unit. Phần Viết luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng từ vựng, từ nối trong câu và ngữ pháp chính xác để viết mẫu quảng cáo, 1 câu chuyện kể lại, 1 bài báo cáo hoặc 1 bức thư tin điện tử. Đặc biệt sinh viên có tài khoản online để học nghe và làm bài tập trực tuyến với nhiều dạng bài tập đa dạng, hấp dẫn, dễ hiểu.

8.18 Tiếng Anh 6

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 3 với giáo trình LIFE A1-B2 gồm 6 units cuối với 7 phần mỗi unit và phần ôn tập sau mỗi unit, chú trọng vào xây dựng hoàn chỉnh vốn từ vựng, ngữ pháp căn bản, vận dụng thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết, luyện các dạng đề thi Vstep trình độ A2-B1 hoặc các dạng bài tập trình độ tương đương. Phần Đọc giới thiệu những vấn đề liên quan đến công việc, công nghệ, ngôn ngữ và việc học ngôn ngữ, các chuyến du lịch và kỳ nghỉ, lịch sử, khảo cổ học, thiên nhiên và thế giới hoang dã,... được cập nhật mới nhất. Phần Nói và Nghe theo chủ đề của từng unit. Phần Viết luyện cho sinh viên kỹ năng viết sơ yếu lý lịch, viết đoạn văn, tiểu sử, viết thư trang trọng. Đặc biệt sinh viên có tài khoản online để học nghe và làm bài tập trực tuyến với nhiều dạng bài tập đa dạng, hấp dẫn, dễ hiểu.

8.19 Tiếng Hàn 1

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Hàn 1 cung cấp cho sinh viên các từ vựng, ngữ pháp căn bản. Dựa vào đó, sinh viên sẽ làm bài tập và thực hành giao tiếp, đặt các câu theo từ vựng và ngữ pháp đã học.

8.20 Tiếng Hàn 2

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Hàn 2 cung cấp cho sinh viên các từ vựng, ngữ pháp căn bản. Dựa vào đó, sinh viên sẽ làm bài tập và thực hành giao tiếp, đặt các câu và viết những đoạn văn theo từ vựng và ngữ pháp đã học.

8.21 Tiếng Hàn 3

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Hàn 3 cung cấp cho sinh viên các từ vựng, ngữ pháp căn bản. Dựa vào đó, sinh viên sẽ làm bài tập và thực hành giao tiếp, đặt các câu và viết những đoạn văn theo từ vựng và ngữ pháp đã học.

8.22 Tiếng Hàn 4

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Hàn 4 cung cấp cho sinh viên các từ vựng, ngữ pháp căn bản. Dựa vào đó, sinh viên sẽ làm bài tập và thực hành giao tiếp, đặt các câu và viết những đoạn văn theo từ vựng và ngữ pháp đã học.

8.23 Tiếng Hàn 5

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Hàn 5 cung cấp cho sinh viên các từ vựng, ngữ pháp căn bản. Dựa vào đó, sinh viên sẽ làm bài tập và thực hành giao tiếp, đặt các câu và viết những đoạn văn theo từ vựng và ngữ pháp đã học.

8.24 Tiếng Hàn 6

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Hàn 6 cung cấp cho sinh viên các từ vựng, ngữ pháp căn bản. Dựa vào đó, sinh viên sẽ làm bài tập và thực hành giao tiếp, đặt các câu và viết những đoạn văn theo từ vựng và ngữ pháp đã học.

8.25 Tiếng Nhật 1

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Nhật 1 hướng cho sinh viên:

- Biết sử dụng các câu chào hỏi thông thường trong cuộc sống, các câu giao tiếp trong lớp học.
- Biết gọi tên các sự vật gần gũi trong cuộc sống.
- Đọc và tập viết đúng chữ Hiragana, chữ Katakana.
- Nhận biết mặt chữ và ý nghĩa của một số từ Kanji đơn giản.
- Thực hành luyện tập vận dụng các mẫu câu giới thiệu đơn giản.
- Tự giác vận dụng vốn từ vựng, các cách diễn đạt được học để giao tiếp, tiếp cận bài đọc hiểu, luyện viết theo chủ đề về bản thân, về gia đình; về chủ đề ăn uống, biết giới thiệu về chỗ ở, nhà và phòng của mình.

8.26 Tiếng Nhật 2

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Nhật 2 hướng cho sinh viên:

- Phát triển vốn từ vựng, các cách diễn đạt theo chủ điểm bài học.
- Tự giác vận dụng vốn từ vựng, các cách diễn đạt được học để giao tiếp, tiếp cận bài đọc hiểu, luyện viết theo chủ đề về cuộc sống, hoạt động ngày nghỉ, về thành phố, về việc mua sắm.

8.27 Tiếng Nhật 3

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Nhật 3 hướng cho sinh viên:

- Phát triển vốn từ vựng, mẫu câu ngữ pháp theo chủ điểm bài học.
- Tự giác vận dụng vốn từ vựng, các cách diễn đạt được học để phát triển giao tiếp, thao tác trên bài đọc hiểu, luyện viết theo chủ đề về ngày nghỉ, bản thân và gia đình, thời tiết và mùa, thành phố quê hương.

8.28 Tiếng Nhật 4

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Nhật 4 hướng cho sinh viên:

- Phát triển vốn từ vựng, mẫu câu ngữ pháp theo chủ điểm bài học.
- Tự giác vận dụng vốn từ vựng, các cách diễn đạt được học để phát triển giao tiếp, thao tác trên bài đọc hiểu, luyện viết theo chủ đề về việc đi chơi bên

ngoài, ngoại ngữ và văn hóa nước ngoài, chủ đề ăn uống bên ngoài, chuyến đi công tác.

8.29 Tiếng Nhật 5

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Nhật 5 hướng cho sinh viên:

- Phát triển vốn từ vựng, mẫu câu ngữ pháp theo chủ điểm bài học.

- Tự giác vận dụng vốn từ vựng, các cách diễn đạt được học để phát triển giao tiếp, thao tác trên bài đọc hiểu, luyện viết theo chủ đề về sức khỏe, văn hóa tặng quà, bạn bè, chủ đề về ăn uống tại nhà hàng.

8.30 Tiếng Nhật 6

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Nhật 6 hướng cho sinh viên:

- Phát triển vốn từ vựng, mẫu câu ngữ pháp theo chủ điểm bài học.

- Tự giác vận dụng vốn từ vựng, các cách diễn đạt được học để phát triển giao tiếp, thao tác trên bài đọc hiểu, luyện viết theo chủ đề về du lịch, lễ hội Nhật Bản, những ngày lễ tết đặc biệt trong năm.

- Tổng hợp kiến thức ngôn ngữ, học tập kỹ năng phân tích, xử lý các bài thi Năng lực Nhật ngữ mẫu để có thể tiếp cận kỳ thi theo cấp độ phù hợp.

8.31 Tiếng Trung 1

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học gồm 5 bài, mỗi bài được thiết kế đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông qua giảng dạy và luyện tập trên lớp nhằm rèn luyện kỹ năng phát âm bao gồm thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, âm tiết, thanh nhẹ và biến điệu...; Mô tả, phân tích cấu tạo chữ Hán, nét cơ bản và quy tắc viết chữ Hán...; Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung cơ bản như chào hỏi, cảm ơn, tình hình học tập, giới thiệu, làm quen..., qua đó các em hiểu thêm về vài nét văn hoá giao tiếp của người Trung Quốc.

8.32 Tiếng Trung 2

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học gồm 5 bài, mỗi bài được thiết kế đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông qua giảng dạy và luyện tập trên lớp nhằm hướng dẫn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm, tìm ra phương pháp để nhớ chữ Hán. Giải thích và mô phỏng một số mẫu câu và điểm ngữ pháp đơn giản giúp sinh viên nhận biết, bắt chước, hiểu, ghi nhớ và vận dụng vào giờ học nghe, nói, đọc, viết và hoàn thành các phần bài tập trong sách sau mỗi bài học.

8.33 Tiếng Trung 3

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học gồm 5 bài, mỗi bài được thiết kế đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông qua giảng dạy và luyện tập trên lớp nhằm hướng dẫn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng diễn

đạt, kỹ năng giao tiếp trong tiếng Trung. Giải thích và mô phỏng một số mẫu câu và điểm ngữ pháp đơn giản giúp sinh viên nhận biết, bắt chước, hiểu, ghi nhớ và vận dụng vào giờ học nghe, nói, đọc, viết và hoàn thành các phần bài tập trong sách sau mỗi bài học.

8.34 Tiếng Trung 4

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học gồm 5 bài, mỗi bài được thiết kế đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông qua giảng dạy và luyện tập trên lớp nhằm hướng dẫn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng diễn đạt, kỹ năng giao tiếp trong tiếng Trung. Sinh viên nắm một số điểm ngữ pháp phức tạp, hiểu, ghi nhớ và vận dụng vào giờ học nghe, nói, đọc, viết và hoàn thành các phần bài tập trong sách sau mỗi bài học.

8.35 Tiếng Trung 5

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học gồm 5 bài, mỗi bài được thiết kế đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp, bài tập và bài đọc thêm. Mỗi bài đều cung cấp cho sinh viên những điểm ngữ pháp mới quan trọng và một lượng từ vựng phong phú. Các hình thức luyện tập đa dạng sẽ giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cũng như giúp sinh viên củng cố lại kiến thức, vận dụng kiến thức đã học tiến hành giao tiếp theo các tình huống học đường được thiết kế.

8.36 Tiếng Trung 6

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học gồm 5 bài, mỗi bài được thiết kế đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp, bài tập và bài đọc thêm. Tuy nhiên, học phần tiếng Trung 6 cung cấp lượng từ nhiều hơn, các bài đọc dài hơn, độ khó cũng cao hơn. Mỗi bài đều cung cấp cho sinh viên những điểm ngữ pháp mới quan trọng và một lượng từ vựng phong phú. Các hình thức luyện tập đa dạng sẽ giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cũng như giúp sinh viên củng cố lại kiến thức, vận dụng kiến thức đã học tiến hành giao tiếp theo các tình huống học đường được thiết kế. Ngoài ra, tiếng Trung 6 còn giới thiệu cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về văn hóa, con người, đất nước, phong tục, tập quán của Trung Quốc.

8.37 Mos Word

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức từ cơ bản như: định dạng văn bản, tùy biến định dạng đến các chức năng nâng cao như: điều khiển luồng văn bản, trộn thư,... giúp học viên vận dụng các công cụ của phiên bản Microsoft Word 2016 một cách hiệu quả.

8.38 Mos Excel

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết từ việc tạo, chỉnh sửa, định dạng và in ấn các trang tính Excel đến việc phân tích dữ liệu một cách hiệu quả.

8.39 Mos Powerpoint

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để tạo và định dạng trình chiếu với sự hỗ trợ của các đối tượng đa phương tiện, các hiệu ứng dịch chuyển và hiệu ứng hoạt cảnh, thiết lập và tùy biến trình chiếu để có một bài thuyết trình hiệu quả.

8.40. Kinh tế vi mô

- *Tín chỉ: 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Trang bị cho học viên những kiến thức căn bản về cách thức ra quyết định của người tiêu dùng, nhà sản xuất và chính phủ trên các loại thị trường khác nhau với các khái niệm như cầu, cung, giá thị trường, độ co giãn...

8.41 Kinh tế vĩ mô

- *Tín chỉ : 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giúp sinh viên hiểu khái quát về kinh tế học vĩ mô, các khái niệm và phương pháp xác định tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, tổng cầu và chính sách tài khoá, tiền tệ và chính sách tiền tệ, mối quan hệ tổng cung và chu kỳ kinh doanh, thất nghiệp và lạm phát, kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở.

8.42 Quản trị học

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học gồm 8 chương, sẽ giới thiệu khái quát kiến thức tổng quan về Công việc quản trị có thể bắt gặp ở mọi nơi, mọi lúc và trong mọi tình huống – từ việc quản lý thời gian, công việc cho chính bản thân mình đến việc tổ chức, điều hành công việc cho một nhóm người hay một tổ chức. Học phần Quản Trị Học bao gồm các khái niệm cơ bản về công tác quản trị trong một tổ chức. Nội dung cơ bản của học phần này là nghiên cứu sâu vào các chức năng của quản trị.

8.43. Nguyên lý thống kê -kinh tế

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học nguyên lý thống kê và phần mềm SPSS giải quyết vấn đề về nguyên lý thống kê, các loại điều tra trong thống kê, phương pháp điều tra, trình bày số liệu thu thập, phân tổ thống kê và phân tích trong thống kê, xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm SPSS và các bài toán kiểm định thống kê để chỉ ra tính qui luật của hiện tượng kinh tế- xã hội. Kết thúc môn học nguyên lý thống kê sinh viên nắm bắt được những vấn đề cơ bản về thống kê kinh tế - xã hội, và kinh doanh – sản xuất dịch vụ trong cơ chế hoạt động thị trường.

8.44. Marketing trong Logistics

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Marketing căn bản là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi

của khách hàng. Môn học còn giúp cho người học nắm bắt được 4 phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix): chiến lược phát triển sản phẩm (Product), chiến lược định giá sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược chiêu thị (Promotion). Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

8.45. Luật vận tải

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Chương trình môn học Luật Vận tải nhằm cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Logistic những kiến thức rất cơ quan liên quan đến vận tải ở Việt Nam như: những quy định của pháp luật về vận tải đường biển (tàu biển và đăng ký tàu biển, đăng kiểm tàu biển, thuyền bộ, điều kiện thuyền viên làm việc trên tàu biển, cảng biển và các loại cảng biển ở Việt Nam, hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, bảo hiểm hàng hải), những quy định của pháp luật về vận tải bằng đường hàng không (đặc điểm, đối tượng chuyên chở bằng đường hàng không, các tổ chức hàng không dân dụng ở Việt Nam và quốc tế, điều kiện kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng không, hợp đồng vận chuyển hàng không...), đường sắt và đường bộ (đặc điểm, cơ sở pháp lý, trách nhiệm pháp lý của các bên trong hợp đồng vận chuyển, cước phí, kỳ hạn chuyên chở, khiếu nại...) và thấy được những ưu và nhược điểm của từng phương thức vận tải dưới góc độ pháp lý và thực tiễn để biết cách lựa chọn và phối hợp trong từng tình huống cụ thể.

8.46. Hàng hóa

- *Tín chỉ 4*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu những khái niệm cơ bản của hàng hóa trong quá trình vận tải, đưa ra những nguyên nhân dẫn đến lượng giảm tự nhiên và tổn thất hàng hóa, từ đó đề ra các giải pháp khắc phục. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên những yêu cầu về vận chuyển, bảo quản và xếp dỡ một số loại hàng hóa thường gặp

8.47. Tổng quan về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

- *Tín chỉ: 1*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng được xây dựng môn cơ bản. Sinh viên được cung cấp kiến thức về lịch sử hình thành cũng như vai trò của Logistics không chỉ trong giao nhận vận tải mà còn phát triển thành một ngành dịch vụ Logistics hoàn chỉnh. Một trong những nền tảng cơ bản để xây dựng các giải pháp Logistics là sản xuất tinh gọn và từ đó phát triển thành JIT. Khách hàng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến doanh thu của doanh nghiệp, hoạt động Logistics giúp cải thiện dịch vụ khách hàng và tạo giá trị gia tăng. Hệ thống thông tin ảnh hưởng rất lớn đến quá trình đặt hàng và quản lý các hoạt động Logistics. Sự cải tiến của hệ thống này sẽ tạo được lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Người làm trong lĩnh vực Logistics cũng cần nắm vững kiến thức về nghiệp vụ cung ứng vật tư, quản lý các nguồn cung, lựa chọn phương tiện vận tải, xác định tuyến đường hợp lý cũng như phương pháp quản lý nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm tại các kho bãi. Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp các kiến thức cần thiết để hiểu được vai trò của cơ cấu tổ chức ảnh hưởng lớn đến sự phối hợp của các hoạt động Logistics. Đầu tư cho hệ thống Logistics đòi hỏi chi phí lớn nên cần thiết phải có các biện pháp đo lường hiệu quả của những hoạt động này.

8.48. Vận tải đa phương thức

- *Tín chỉ: 4*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu những kiến thức tổng quan về vận tải đa phương thức cũng như cơ sở pháp lý của vận tải đa phương thức. Môn học cũng đưa ra những yêu cầu cần và đủ để xây dựng và phát triển vận tải đa phương thức. Giới thiệu một số mô hình vận tải đa phương thức thường gặp.

8.49. Quản trị Logistics

- *Tín chỉ: 4*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị Logistics được xây dựng trên nền môn Logistics cơ bản. Sinh viên được cung cấp kiến thức về lịch sử hình thành cũng như vai trò của Logistics không chỉ trong giao nhận vận tải mà còn phát triển thành một ngành dịch vụ Logistics hoàn chỉnh. Một trong những nền tảng cơ bản để xây dựng các giải pháp Logistics là sản xuất tinh gọn và từ đó phát triển thành JIT. Khách hàng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến doanh thu của doanh nghiệp, hoạt động Logistics giúp cải thiện dịch vụ khách hàng và tạo giá trị gia tăng. Hệ thống thông tin ảnh hưởng rất lớn đến quá trình đặt hàng và quản lý các hoạt động Logistics. Sự cải tiến của hệ thống này sẽ tạo được lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Người làm trong lĩnh vực Logistics cũng cần nắm vững kiến thức về nghiệp vụ cung ứng vật tư, quản lý các nguồn cung, lựa chọn phương tiện vận tải, xác định tuyến đường hợp lý cũng như phương pháp quản lý nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm tại các kho bãi. Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp các kiến thức cần thiết để hiểu được vai trò của cơ cấu tổ chức ảnh hưởng lớn đến sự phối hợp của các hoạt động Logistics. Đầu tư cho hệ thống Logistics đòi hỏi chi phí lớn nên cần thiết phải có các biện pháp đo lường hiệu quả của những hoạt động này.

8.50. Khởi nghiệp trong lĩnh vực logistics

- *Tín chỉ: 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp và tổ chức của doanh nghiệp; các nguyên tắc lựa chọn loại hình doanh nghiệp để kinh doanh và các điều kiện để trở thành nhà quản lý doanh nghiệp; các thủ tục chính cần thiết khi thành lập doanh nghiệp; kinh doanh và định hướng ngành nghề kinh doanh; các bước lập kế hoạch kinh doanh và thực thi kế hoạch kinh doanh.

8.51. Kỹ năng làm việc trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng

- *Tín chỉ: 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu chung về cơ hội nghề nghiệp trong ngành logistics và chuỗi cung ứng trong giai đoạn hiện nay, đặc trưng nghề nghiệp của ngành này. Môn học cung cấp cho sinh viên những yêu cầu cơ bản về kỹ năng đối với nhân viên làm việc trong ngành logistics và chuỗi cung ứng. Đồng thời cung cấp những kinh nghiệm thực tế khi tham gia làm việc trong ngành.

8.52. Quản trị chuỗi cung ứng

- *Tín chỉ: 4*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chuỗi cung ứng là lập kế hoạch chung nhằm đảm bảo nguồn cung cấp để sản xuất và phân phối đúng nhu cầu của khách hàng

sao cho chi phí tối thiểu. Môn học Quản trị chuỗi cung ứng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng, quá trình lập kế hoạch chung, mô tả quá trình sản xuất, quá trình phân phối trong doanh nghiệp và nhiều doanh nghiệp liên kết với nhau thành chuỗi.

8.53. Nghiệp vụ ngoại thương

- *Tín chỉ:* 3

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nghiệp vụ xuất nhập khẩu là một trong những môn học chủ yếu đối với các sinh viên chuyên ngành ngoại thương, nhằm trang bị cho các em kiến thức về các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms), thực tế áp dụng trong điều kiện Việt Nam; hoạt động xuất nhập khẩu. Môn học mang lại cho sinh viên những kiến thức căn bản về hoạt động kinh doanh ngoại thương, một số phương thức thanh toán quốc tế phổ biến, hoạt động vận tải ngoại thương, hoạt động bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu, các quy tắc và thông lệ quốc tế về hoạt động ngoại thương.

Nghiên cứu bộ chứng từ hàng hóa xuất nhập khẩu và soạn thảo hợp đồng ngoại.

8.54. Quản trị kho hàng trong logistics

- *Tín chỉ:* 4

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu quy trình quản lý kho hàng. Các quy trình giao, nhận hàng hóa. Các quy trình cất giữ bảo quản hàng hóa. Quy trình đóng gói, cũng như nắm rõ cách sử dụng quản lý các thiết bị trong nhà kho.

Đối với từng loại hàng hóa khác nhau, nắm rõ cách thức xác định vị trí cất giữ bảo quản, điều kiện mặt bằng, thiết bị lưu giữ. Cách thức tổng hợp báo cáo dữ liệu quản lý. Cách thức bảo trì và quản lý an toàn cháy nổ hồng học.

8.55. Nghiệp vụ hải quan

- *Tín chỉ:* 3

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát về hải quan, trị giá hải quan, thủ tục hải quan cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan và quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan. Đặc biệt, học phần cũng cung cấp cho người học những hiểu biết, kỹ năng cần thiết để thực hiện khai hải quan và đăng ký hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng gia công, hàng đưa vào các khu chế xuất, hàng xuất khẩu tại chỗ, hàng tham dự hội chợ triển lãm, hàng viện trợ, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh phục vụ các cơ quan ngoại giao và hàng chuyên khẩu, tạm nhập tái xuất. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu, cung cấp cho sinh viên những vấn đề, những đặc điểm chính của hoạt động tại các đại lý làm thủ tục hải quan ở Việt Nam hiện nay.

8.56. Quản trị chất lượng logistics và chuỗi cung ứng

- *Tín chỉ:* 4

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về quản trị chất lượng và vai trò của nó đối với sự phát triển bền vững của các tổ chức. Sinh viên hiểu về khái niệm về chất lượng sản phẩm và khách hàng. Môn học giúp sinh viên hiểu và thực hành các phương pháp đo lường chất lượng, các phương pháp quản trị chất lượng và cải tiến chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp, tổ chức.

8.57. Thương mại điện tử và ứng dụng CNTT trong logistics

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Cung cấp kiến thức cơ bản về tổng quan các hoạt động thương mại điện tử, cách thức tiến hành hoạt động kinh doanh trên mạng, điều tra thị trường bằng mạng internet, khuếch trương website, tìm kiếm thông tin.

8.58. Quản trị chi phí trong logistics và chuỗi cung ứng

- *Tín chỉ: 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng liên quan đến quản trị chi phí trong logistics và chuỗi cung ứng như là: Đo lường chi phí, Quản trị chiến lược chi phí và tài chính trong logistics và chuỗi cung ứng.

8.59. Đại lý tàu biển

- *Tín chỉ :3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu những kiến thức tổng quan về đại lý tàu biển, cách phân loại đại lý tàu biển. Môn học cũng nêu ra chức năng, quyền hạn của đoàn làm thủ tục ra vào cảng. Giới thiệu thủ tục cho tàu ra vào cảng biển tại Việt Nam, các công việc cụ thể của đại lý tàu và các loại phí, lệ phí tại cảng biển.

8.60. Thanh toán quốc tế trong logistics

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu sinh viên những kiến thức căn bản về tiền tệ thế giới, tỷ giá hối đoái và thị trường hối đoái và các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế, cách thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế.

8.61. Nghiệp vụ giao nhận vận tải quốc tế

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu tóm tắt các quy định liên quan người giao nhận và nghiệp vụ giao nhận, các nội dung liên quan đến nghiệp vụ gom hàng.

8.62. Vận tải biển và thủy nội địa

- *Tín chỉ 4*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu tóm tắt các yếu tố liên quan đến vận tải. Các đặc điểm, thực trạng và ưu nhược điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của phương thức vận tải đường biển và thủy nội địa.

8.63. Vận tải đường sắt và đường bộ

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu tóm tắt các yếu tố liên quan đến vận tải. Các đặc điểm, thực trạng và ưu nhược điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của phương thức vận tải đường bộ và đường sắt.

8.64. Vận tải hàng không

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu tóm tắt các yếu tố liên quan đến vận tải. Các đặc điểm, thực trạng và ưu nhược điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của phương thức vận tải đường hàng không.

8.65. Bảo hiểm hàng hải

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu những kiến thức tổng quan các nội dung về vai trò, sự cần thiết của bảo hiểm đối với hoạt động kinh doanh XNK. Bảo hiểm hàng hải, các hình thức và điều kiện bảo hiểm đối với hàng hóa XNK, các quy trình thực hiện bảo hiểm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

8.66. Tổ chức và quản lý khai thác cảng biển quốc tế

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu những kiến thức tổng quan về cảng biển, những chỉ tiêu hoạt động của cảng biển, việc lựa chọn phương án xếp dỡ tại cảng biển. Đồng thời môn học cũng cung cấp kỹ năng lập kế hoạch cho sinh viên khi làm việc tại cảng biển. Môn học cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về cảng hàng không và những dịch vụ chủ yếu trong khai thác cảng hàng không.

8.67. Quản trị chiến lược logistics

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp. Đồng thời cung cấp những kiến thức tổng quan về quản trị chiến lược logistics.

8.68. Luật quản lý logistics

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giải quyết những vấn đề cơ bản về dịch vụ Logistics được quy định trong Luật Thương mại và Nghị định số 140/2007/NĐ-CP, cụ thể: Khái quát về thương nhân và hoạt động thương mại; Dịch vụ Logistics; Nội dung liên quan đến dịch vụ Logistics.

8.69. Quản lý Xuất nhập khẩu hàng hóa

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học Quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa cung cấp các kiến thức về những phương pháp mua bán quốc tế, những điều kiện thương mại quốc tế, giới thiệu một số phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu và phương pháp lập hợp đồng ngoại thương và các vấn đề liên quan tới chứng từ xuất nhập khẩu

8.70. Thực tập chuyên ngành

- *Tín chỉ 3*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Báo cáo thực tập chuyên ngành đối với ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng là báo cáo tổng hợp hoạt động của đơn vị hay bộ phận thực tập từ đó đưa ra những kiến nghị và rút ra kinh nghiệm học hỏi được của sinh viên từ quá trình đi thực tập, có thể là một trong các học phần chủ yếu sau đây: Quản trị logistics, vận tải hàng hóa; quản lý kho hàng và tồn kho; thủ tục xuất nhập khẩu, hoạt động của cảng, hoạt động của chuỗi cung ứng.

8.71. Kinh tế quốc tế

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế quốc tế (kinh tế học quốc tế) nghiên cứu các học thuyết thương mại quốc tế, các mối quan hệ kinh tế giữa các nước, các nền kinh tế và các khu vực kinh tế trên thế giới, qui luật trao đổi thương mại quốc tế. Kinh tế quốc tế giải thích sự di chuyển các nguồn lực về vốn, lao động và công nghệ trên thế giới. Kinh tế quốc tế được sinh ra từ Kinh tế học, là một bộ phận của Kinh tế học. Ngoài ra kinh tế quốc tế nghiên cứu các rào cản về thuế quan, quota và các rào cản kỹ thuật giữa các nước trong trao đổi thương mại quốc tế.

8.72. Tổ chức xếp dỡ

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tổ chức xếp dỡ hàng hóa là sử dụng một cách hiệu quả tích hợp các bộ phận xếp dỡ hàng hóa để rút ngắn thời gian chuyên chở, đảm bảo an toàn và giảm chi phí đến mức thấp nhất và sử dụng tốt phương tiện kỹ thuật, máy móc thiết bị trong xếp dỡ nhằm đảm bảo nguồn cung cấp để sản xuất và phân phối đúng nhu cầu của khách hàng sao cho chi phí tối thiểu. Môn học Tổ chức xếp dỡ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức xếp dỡ hàng hóa trong vận tải.

8.73. Luật kinh tế

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay như: các mô hình doanh nghiệp (Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân), hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã; về cơ chế pháp lý thực hiện hoạt động đầu tư ở Việt Nam cũng như hoạt động đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài; về hợp đồng nói chung và hợp đồng trong hoạt động thương mại nói riêng; tìm hiểu các cơ chế giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại hiện nay và các quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

8.74. Quản lý tinh gọn trong chuỗi cung ứng

- *Tín chỉ: 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu sinh viên những kiến thức căn bản về tinh gọn, sản xuất tinh gọn và những lưu ý trong quản lý tinh gọn chuỗi cung ứng.

8.75. Lập kế hoạch và điều độ trong chuỗi cung ứng

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung bao gồm tổng quan về điều độ, vai trò và chức năng của điều độ, các dạng bài toán điều độ, các mục tiêu thường gặp trong điều độ và thang đo đánh giá hiệu quả của kỹ thuật điều độ. Môn học nghiên cứu chuyên

sâu vào các thuật toán lập kế hoạch và điều độ cho dự án, trong các chuỗi cung ứng, cách thực hiện thời gian biểu và đặc biệt cho vận tải hàng hóa, và cách thức điều độ nguồn nhân lực. Ngoài ra môn học còn giới thiệu một số giải thuật tối ưu hóa sử dụng phổ biến trong giải quyết các bài toán tối ưu.

8.76. Hỗ trợ ra quyết định Logistics

- *Tin chi 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Phương pháp hỗ trợ ra quyết định là một phần quan trọng trong lĩnh vực vận trù học hay Khoa học quản lý. Phương pháp này giúp các nhà ra quyết định chọn lựa các phương án dựa trên các tiêu chuẩn định lượng. Môn học trang bị các kiến thức cơ bản về lập mô hình và ra quyết định từ các mô hình này, về việc sử dụng các kỹ thuật cụ thể cho các áp dụng thực tế trong quản lý và điều hành các hoạt động logistics & các lĩnh vực khác.

8.77. Logistics trong thương mại quốc tế

- *Tin chi 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học Quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa cung cấp các kiến thức về những phương pháp mua bán quốc tế, những điều kiện thương mại quốc tế, giới thiệu một số phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu và phương pháp lập hợp đồng ngoại thương và các vấn đề liên quan tới chứng từ xuất nhập khẩu.

8.78. Nghiệp vụ soạn thảo và phát hành vận đơn vận tải

- *Tin chi 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu những kiến thức tổng quan về vận đơn, cung cấp cho sinh viên thông tin về những việc cần làm khi là nhân viên chứng từ phụ trách soạn thảo và phát hành vận đơn. Môn học cung cấp cho sinh viên kỹ năng soạn thảo vận đơn trong từng trường hợp cụ thể, đồng thời đưa ra những dẫn chứng thực tế cho thấy tầm quan trọng của việc cẩn thận trong quá trình soạn thảo và phát hành vận đơn.

8.79. Phương tiện xếp dỡ và vận chuyển tại cảng

- *Tin chi 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học thiết bị nâng – vận chuyển cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ giới hóa, quá trình nâng – vận chuyển vật trong các ngành công nghiệp, xây dựng, chế biến thực phẩm và Logistics. Qua đó sinh viên hiểu được cấu tạo, nguyên lý làm việc, phạm vi sử dụng, cách lựa chọn, quản lý, biết khai thác các thiết bị nâng chuyên.

8.80. Quản trị rủi ro logistics và chuỗi cung ứng

- *Tin chi 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị các kiến thức về rủi ro, môi trường văn hoá về rủi ro, rủi ro trong kinh doanh về lĩnh vực tài chính và xuất nhập khẩu. Trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro. Một số rủi ro đặc thù

như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính và rủi ro trong thẩm định và quản lý dự án, rủi ro tỷ giá, rủi ro trong đầu tư.

8.81. Chiến lược phát triển cảng biển

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những chiến lược phát triển cảng biển và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; Mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp cảng biển có sứ mạng, mục tiêu dài hạn và các chiến lược kinh doanh cấp công ty, quốc tế..

8.82. Tiếng anh chuyên ngành logistics 1

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học giới thiệu chung về các thuật ngữ Logistics chuyên ngành, các công cụ cơ bản chính trong Logistics như các dịch vụ logistics, quản lý kho bãi, tồn kho và quản lý hoạt động thu mua và vật tư, quản lý phân phối và các phương tiện vận chuyển. Ngoài ra, kiến thức tổng quan về Logistics sẽ được cung cấp cho học viên theo từng chương cụ thể trong giáo trình.

8.83. Tiếng anh chuyên ngành logistics 2

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học giới thiệu chung về các thuật ngữ Logistics chuyên ngành, các công cụ cơ bản chính trong Logistics như các thuật ngữ và hoạt động trong việc lên kế hoạch và sắp xếp việc vận chuyển, hoạt động giao nhận hàng hóa, hoạt động dự trữ và quản lý vật tư và hoạt động quản lý tài chính và chuẩn bị tài liệu. Ngoài ra, kiến thức tổng quan về Logistics sẽ được cung cấp cho học viên theo từng chương cụ thể trong giáo trình.

8.84 Hệ thống thông tin logistics

- *Tín chỉ 2*

- *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng về hệ thống thông tin trong Logistics phục vụ cho việc hoạch định và tổ chức các hệ thống thông tin hợp lý cho tổ chức/doanh nghiệp, phát triển các hệ thống này một cách thích hợp và quản lý chúng một cách hiệu quả.

8.85. Thực tập tốt nghiệp

- *Tín chỉ 4*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Báo cáo thực tập tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng là báo cáo tổng hợp hoạt động của đơn vị hay bộ phận thực tập từ đó đưa ra những kiến nghị và rút ra kinh nghiệm học hỏi được của sinh viên từ quá trình đi thực tập, có thể là một trong các học phần chủ yếu sau đây: Quản trị logistics, vận tải hàng hóa; quản lý kho hàng và tồn kho; thủ tục xuất nhập khẩu, hoạt động của cảng, hoạt động của chuỗi cung ứng ...

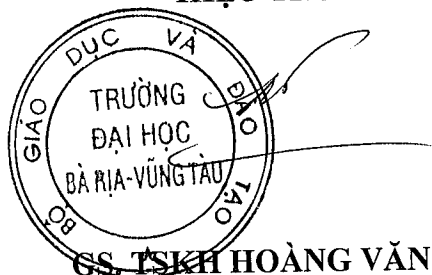
8.86. Khóa luận tốt nghiệp

- *Tín chỉ 8*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Khóa luận tốt nghiệp có nhiều dạng, nhưng thông thường là một công trình cá nhân về một vấn đề trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng do giáo viên hướng dẫn đưa ra và được duyệt bởi ngành và Hội đồng Khoa học Khoa. Báo cáo Khóa luận tốt nghiệp phải trình bày rõ vấn đề cần giải quyết, giải pháp lựa chọn, các kết quả, hướng phát triển và kết luận, có báo cáo và trình bày kết quả trước hội đồng bảo vệ khóa luận (hội đồng có tối thiểu 3 giảng viên tham gia trong đó có: 01 chủ tịch hội đồng; 01 thư ký hội đồng; các thành viên hội đồng).

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 12 tháng 07 năm 2018

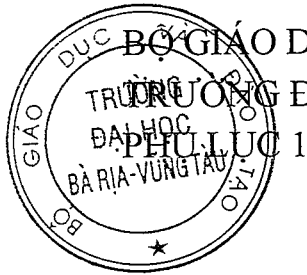
HIỆU TRƯỞNG



GS. TSKH HOÀNG VĂN KIỂM

p. VIỆN TRƯỞNG

TS. Lê Ngọc Trân



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA - VŨNG TÀU
PHỤ LỤC 1

3

MA TRẬN MÔN HỌC - CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

Đính kèm Chương trình đào tạo, ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.; Trình độ Đại học hệ chính quy; ban hành kèm theo Quyết định số...56../QĐ-BVU ngày 12.7.2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Bà Rịa Vũng Tàu

STT	Mã MH	MÔN HỌC	KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP				CHUẨN ĐẦU RA										
			Số TC	LT	TH	Tự học	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG			THÁI ĐỘ		
							KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	TD1	TD2	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			15	15	0	30											
1.1. Lý luận Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh			10	10	0	20											
1	60016	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 (P 1)	2	2	0	4	x						x		x	x	
2	60014	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2 (P 2)	3	3	0	6	x						x		x	x	
3	60017	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	3	0	6	x						x		x	x	
4	60016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	x						x		x	x	
1.2. Khoa học xã hội			2	2	0	4											
1	60016	Pháp luật đại cương	2	2	0	4	x						x		x	x	
1.3. Toán học – Khoa học tự nhiên -Công nghệ-Môi trường			3	3	0	6											
1	60001	Toán cao cấp 1	3	3	0	6				x			x		x	x	
1.4 Ngoại ngữ			18	18	0	36											
1	121900	Tiếng Anh 1/ Tiếng Nhật 1/Tiếng Hàn 1/Tiếng Trung 1	3	3	0	6		x					x		x	x	

STT	Mã MH	MÔN HỌC	KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP				CHUẨN ĐẦU RA										
			Số TC	LT	TH	Tự học	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG			THÁI ĐỘ		
							KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	TĐ1	TĐ2	
2	121901	Tiếng Anh 2/ Tiếng Nhật 2/Tiếng Hàn 2/Tiếng Trung 2	3	3	0	6		x					x		x	x	
3	121902	Tiếng Anh 3/ Tiếng Nhật 3/Tiếng Hàn 3/Tiếng Trung 2	3	3	0	6		x					x		x	x	
4	121903	Tiếng Anh 4/ Tiếng Nhật 4/Tiếng Hàn 4/Tiếng Trung 4	3	3	0	6		x					x		x	x	
5	121904	Tiếng Anh 5/ Tiếng Nhật 5/Tiếng Hàn 5/Tiếng Trung 5	3	3	0	6		x					x		x	x	
6	121905	Tiếng Anh 6/ Tiếng Nhật 6/Tiếng Hàn 6/Tiếng Trung 6	3	3	0	6		x					x		x	x	
1.5. Tin học			8	5	3	16											
1	121912	Mos Word (*)	3	2	1	6		x					x		x	x	
2	121910	Mos Excel (*)	3	2	1	6		x					x		x	x	
3	121911	Mos Powerpoint (*)	2	1	1	4		x					x		x	x	
1.6. Kỹ năng mềm			6	6	0	12											
1	121909	Phương pháp học đại học và tư duy sáng tạo	2	2	0	4		x							x	x	
2	121906	Kỹ năng giao tiếp cơ bản	2	2	0	4		x							x	x	
3	121907	Kỹ năng giao tiếp nâng cao	2	2	0	4		x							x	x	
1.7. Giáo dục thể chất			3	0	3	6											
1	60024	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	2				x			x			x	
2	60025	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	2				x			x			x	
3	60026	Giáo dục thể chất 3	1	0	1	2				x			x			x	
1.8. Giáo dục quốc phòng			8	5	3	13											
1	60029	Giáo dục quốc phòng	8	5	3	13				x			x		x	x	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			37	37	0	74											
Bắt buộc			33	33	0	66											
1	100035	Kinh tế vi mô	2	2	0	4				x			x	x			x
2	100031	Kinh tế vĩ mô	2	2	0	4				x			x	x			x

VA
RƯỜNG
ĐẠI HỌC
RIỆT-VÙNG T
★

STT	Mã MH	MÔN HỌC	KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP				CHUẨN ĐẦU RA									
			Số TC	LT	TH	Tự học	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG			THÁI ĐỘ	
							KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	TĐ1	TĐ2
3	100063	Quản trị học	2	2	0	4				x			x	x		x
4	121970	Nguyên lý thống kê - Kinh tế	2	2	0	4				x			x	x	x	x
5	122362	Marketing trong Logistics	2	2	0	4				x			x	x	x	x
6	120334	Luật Vận tải	2	2	0	4				x	x		x	x	x	x
7	121971	Hàng hoá	4	4	0	8				x	x		x	x	x	x
8	122439	Tổng quan về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1	1	0	2				x			x	x	x	x
9	120403	Vận tải đa phương thức	4	4	0	8				x	x		x	x	x	x
10	120330	Quản trị Logistics	4	4	0	8				x	x		x	x	x	x
11	121974	Khởi nghiệp trong lĩnh vực logistics	2	2	0	4				x	x		x	x	x	x
12	121973	Kỹ năng làm việc trong ngành logistics và chuỗi cung ứng	2	2	0	4				x	x		x	x	x	x
13	120331	Quản trị chuỗi cung ứng	4	4	0	8				x	x		x	x	x	x
Tự chọn			4	4	0	8										
1	100034	Kinh tế quốc tế	2	2	0	4				x			x	x	x	x
2	120324	Tổ chức xếp dỡ	2	2	0	4				x			x	x	x	x
3	100039	Luật Kinh tế	2	2	0	4				x			x	x	x	x
4	121972	Phương tiện xếp dỡ và vận chuyển tại cảng	2	2	0	4				x	x		x	x	x	x
2.2. Kiến thức chuyên ngành																
2.2.1. Chuyên ngành 1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng			63	62	1	122										
Bắt buộc			55	54	1	106										
1	120630	Nghiệp vụ ngoại thương	3	3	0	6					x		x	x	x	x
2	122368	Quản trị kho hàng trong logistics	4	4	0	8					x		x	x		x
3	121981	Nghiệp vụ hải quan	3	3	0	6					x		x	x	x	x
4	121982	Quản trị chất lượng logistics và chuỗi cung ứng	4	4	0	8					x		x	x	x	x
5	121983	Thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong Logistics	3	2	1	6					x		x	x	x	x

STT	Mã MH	MÔN HỌC	KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP				CHUẨN ĐẦU RA									
			Số TC	LT	TH	Tự học	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG			THÁI ĐỘ	
							KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	TĐ1	TĐ2
6	121985	Quản trị chi phí trong logistics và chuỗi cung ứng	3	3	0	6					x		x	x	x	x
7	121987	Đại lý tàu biển	2	2	0	4					x		x	x	x	x
8	122363	Thanh toán quốc tế trong logistics	3	3	0	6				x	x		x	x	x	x
9	122442	Nghiệp vụ giao nhận vận tải Quốc tế	3	3	0	6					x		x	x	x	x
10	122367	Vận tải biển và thủy nội địa	4	4	0	4					x		x	x	x	x
11	122369	Vận tải đường sắt và đường bộ	3	3	0	6					x		x	x	x	x
12	122370	Vận tải hàng không	3	3	0	6					x		x	x	x	x
13	122366	Bảo hiểm hàng hải	3	3	0	6					x		x	x	x	x
14	122443	Tổ chức và quản lý khai thác cảng biển quốc tế	3	3	0	6					x		x	x	x	x
15	120329	Quản trị chiến lược logistics	2	2	0	4					x		x	x	x	x
16	120405	Luật Quản lý logistics	2	2	0	4					x		x	x	x	x
17	100100	Thực tập chuyên ngành	3	3	0	6					x		x	x	x	x
18	100101	Thực tập tốt nghiệp	4	4	0	8				x	x		x	x	x	x
Tự chọn			8	8	0	16										
1	120412	Quản lý tinh gọn trong chuỗi cung ứng	2	2	0	4					x		x	x	x	x
2	120408	Lập kế hoạch và điều độ trong chuỗi cung ứng	2	2	0	4					x		x	x	x	x
3	120401	Hỗ trợ ra quyết định Logistics	2	2	0	4					x		x	x	x	x
4	122364	Logistics trong thương mại quốc tế	2	2	0	4					x		x	x	x	x
5	121978	Nghiệp vụ soạn thảo và phát hành vận đơn vận tải	2	2	0	4					x		x	x	x	x
6	121984	Quản trị rủi ro logistics và chuỗi cung ứng	2	2	0	4					x		x	x	x	x
7	120411	Chiến lược phát triển cảng biển	2	2	0	4					x		x	x	x	x
8	120333	Hệ thống thông tin logistics	2	2	0	4					x		x	x	x	x
9	120387	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics 1	2	2	0	4					x		x	x	x	x

STT	Mã MH	MÔN HỌC	KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP				CHUẨN ĐẦU RA									
			Số TC	LT	TH	Tự học	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG			THÁI ĐỘ	
							KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	TĐ1	TĐ2
10	120393	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics 2	2	2	0	4					x		x	x	x	x
2.2.2. Chuyên ngành 2: Tổ chức quản lý cảng–Xuất nhập khẩu–Giao nhận vận tải quốc tế			65	64	1	130										
Bắt buộc			57	56	1	114										
1	120630	Nghiệp vụ ngoại thương	3	3	0	6					x		x	x	x	x
2	122368	Quản trị kho hàng trong logistics	4	4	0	8					x		x	x		x
3	121981	Nghiệp vụ hải quan	3	3	0	6					x		x	x	x	x
4	121982	Quản trị chất lượng logistics và chuỗi cung ứng	4	4	0	8					x		x	x	x	x
5	121983	Thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong Logistics	3	2	1	6					x		x	x	x	x
6	121985	Quản trị chi phí trong logistics và chuỗi cung ứng	3	3	0	6					x		x	x	x	x
7	121987	Đại lý tàu biển	2	2	0	4					x		x	x	x	x
8	122363	Thanh toán quốc tế trong logistics	3	3	0	6				x	x		x	x	x	x
9	122442	Nghiệp vụ giao nhận vận tải Quốc tế	3	3	0	6					x		x	x	x	x
10	122367	Vận tải biển và thủy nội địa	4	4	0	8					x		x	x	x	x
11	122369	Vận tải đường sắt và đường bộ	3	3	0	6					x		x	x	x	x
12	122370	Vận tải hàng không	3	3	0	6					x		x	x	x	x
13	122366	Bảo hiểm hàng hải	3	3	0	6					x		x	x	x	x
14	122443	Tổ chức và quản lý khai thác cảng biển quốc tế	3	3	0	6					x		x	x	x	x
15	120329	Quản trị chiến lược logistics	2	2	0	4					x		x	x		x
16	122375	Quản lý Xuất nhập khẩu hàng hóa	4	4	0	8					x		x	x	x	x
17	100100	Thực tập chuyên ngành	3	3	0	6					x		x	x	x	x
18	100101	Thực tập tốt nghiệp	4	4	0	8				x	x		x	x	x	x
Tự chọn			8	8	0	16										
1	120412	Quản lý tinh gọn trong chuỗi cung ứng	2	2	0	4					x		x	x	x	x

STT	Mã MH	MÔN HỌC	KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP				CHUẨN ĐẦU RA									
			Số TC	LT	TH	Tự học	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG			THÁI ĐỘ	
							KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	TĐ1	TĐ2
2	120408	Lập kế hoạch và điều độ trong chuỗi cung ứng	2	2	0	4					x		x	x	x	x
3	120401	Hỗ trợ ra quyết định Logistics	2	2	0	4					x		x	x	x	x
4	122364	Logistics trong thương mại quốc tế	2	2	0	4					x		x	x	x	x
5	121978	Nghiệp vụ soạn thảo và phát hành vận đơn vận tải	2	2	0	4					x		x	x	x	x
6	121984	Quản trị rủi ro logistics và chuỗi cung ứng	2	2	0	4					x		x	x	x	x
7	120411	Chiến lược phát triển cảng biển	2	2	0	4					x		x	x	x	x
8	120333	Hệ thống thông tin logistics	2	2	0	4					x		x	x	x	x
9	120387	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics 1	2	2	0	4					x		x	x	x	x
10	120393	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics 2	2	2	0	4					x		x	x	x	x
2.3. Khóa luận tốt nghiệp			8	8	0	16										
1	100102	Khoá luận tốt nghiệp	8	8	0	16				x	x		x	x	x	x
Tổng số chuyên ngành 1			123	122	1	242										
Tổng số chuyên ngành 2			125	124	1	250										

P. Viện trưởng



TS. Lê Ngọc Trân

P. Trưởng ngành



ThS. Đỗ Thanh Phong

